

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG KHÊ
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24/7/2018.

V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thiệu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Công Thanh.

2. Ông Trịnh Xuân Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Thái Nữ Trâm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24/7/2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2018/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2018 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-DS ngày 19/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-DS ngày 06/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị Thanh H. Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Xóm A, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt tại phiên tòa.

- Anh Nguyễn Thanh T. Sinh năm 1980.

Địa chỉ: Xóm A, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Cao Thị Thanh H trình bày:

Về tình cảm: Chị Cao Thị Thanh H và anh Nguyễn Thanh T đăng ký kết hôn vào ngày 21/7/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại xóm A, xã P, huyện H,

tỉnh Hà Tĩnh. Tình cảm vợ chồng hòa thuận được 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không có con, không có tiếng nói chung với nhau. Anh T thường xuyên cãi vã, gây áp lực, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Chị H không thể chịu đựng thêm được nữa, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ ngày 06/01/2018, sau đó chị H đi làm ăn trong miền Nam cho đến nay. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hạnh phúc hôn nhân không thể đạt được nữa nên chị H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Sau khi nhận thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án, anh T đã đến Tòa án cùng với chị H để viết bản tự khai về hôn nhân và gia đình nhưng chỉ mới viết xong phần thông tin cá nhân, sau đó anh không viết nữa. Anh T đề nghị chị H viết hộ nhưng khi chị H nhận viết hộ thì anh T lại tự ý bỏ về. Mặc dù Tòa án đã thuyết phục, giải thích về quyền và nghĩa vụ của bị đơn nhưng anh T vẫn cương quyết ra về. Tòa án đã lập biên bản về việc bị đơn không viết tiếp bản tự khai và bỏ về. Ngày 15/6/2018, Tòa án tiến hành thông báo phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt hợp lệ cho bị đơn. Tuy nhiên anh T vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành lập biên bản sự việc theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật, bị đơn thực hiện tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, đồng ý cho chị H ly hôn với anh T.

- Về con cái: Hai vợ, chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản: Hai vợ, chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về

mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc chị Cao Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn đúng theo quy định của pháp luật, anh T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án. Tòa án đã thông báo hợp lệ về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T tuy nhiên anh T vắng mặt hai lần không có lý do. Vụ án không thể tiến hành hòa giải được vì anh T vắng mặt không có lý do, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 06/7/2018, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất. Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do nên HĐXX đã quyết định hoãn phiên tòa. Nay bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Chị Cao Thị Thanh H và anh Nguyễn Thanh T kết hôn dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 21/7/2010 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin ở nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng không có con nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, lời qua tiếng lại, không tìm được tiếng nói chung, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Tòa án đã tổ chức nhiều phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T vẫn cố tình trốn tránh. HĐXX nhận thấy đã hơn hai năm vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nữa. Việc chị H làm đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng không có con chung, HĐXX miễn xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc chị Cao Thị Thanh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Chị đã nộp tại cơ quan thi hành án huyện H theo biên lai số AA/2016/0004190 ngày 01/6/2018, nay không phải nộp nữa.

[6] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Xử cho chị Cao Thị Thanh H ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

2. Về án phí: Chị Cao Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0004190 ngày 01/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, nay không phải nộp nữa.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Thị Thiệp

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Công Thanh

Trịnh Xuân Minh

Trịnh Thị Thiện

